

PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**Nguyễn Thanh Trúc¹, Trần Trung Dũng², Vũ Xuân Triều³, Phạm Văn Trường¹**

Ngày nhận bài: 29/9/2023; Ngày phản biện thông qua: 09/10/2023; Ngày duyệt đăng: 11/10/2023

TÓM TẮT

Phát triển rừng nói chung và rừng trồng sản xuất nói riêng có vai trò quan trọng để đạt được các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường. Bài viết sử dụng số liệu thứ cấp, số liệu sơ cấp và phương pháp thống kê để đánh giá tình hình phát triển rừng trồng tại tỉnh Đắk Lắk. Kết quả nghiên cứu cho thấy kết quả trồng rừng của tỉnh đã đạt được nhiều tích cực. Diện tích rừng trồng có xu hướng gia tăng trong những năm qua và tiềm năng phát triển rừng trồng trên địa bàn tỉnh vẫn còn rất lớn. Dù vậy, việc phát triển rừng trồng tại tỉnh còn đối mặt với nhiều thách thức như mâu thuẫn về quyền sử dụng đất, rừng trồng được quản lý theo chứng rừng bền vững vẫn còn hạn chế, chu kỳ khai thác ngắn nên hiệu quả thấp và thiếu sự liên kết giữa các chủ thể trồng rừng cũng như các tác nhân trong chuỗi giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng.

Từ khóa: Rừng, rừng trồng sản xuất, Đắk Lắk.

1. MỞ ĐẦU

Rừng có vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội. Rừng không chỉ cung cấp nguyên liệu mà còn giúp bảo vệ môi trường cũng như giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và góp phần vào sự phát triển bền vững của quốc gia. Mặc dù những lợi ích mà rừng mang lại là đáng kể, nhưng diện tích rừng ở Việt Nam đã trải qua giai đoạn sụt giảm mạnh. Ở Việt Nam, tổng diện tích rừng giảm từ 14,3 triệu ha năm 1943 xuống còn 11,16 triệu ha năm 1976 và tiếp tục giảm nhanh xuống 10,88 triệu ha năm 1990 (WB, 2005). Năm 2005, diện tích rừng tăng lên 12,7 triệu ha sau khi chính phủ thực hiện nhiều nỗ lực để phục hồi rừng như Chương trình 327 về trồng rừng trên đồi núi trọc và bãi bồi ven biển hay Dự án 611 về năm triệu ha rừng. Tính đến cuối năm 2022, diện tích rừng của cả nước đạt 14,79 triệu ha (Tổng cục thống kê, 2023). Dù vậy, việc bảo vệ và phát triển rừng ở Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều thách thức và việc phát triển rừng trồng sản xuất trên phần diện tích trước đây có rừng đang được xem như là một giải pháp quan trọng để đạt được sự hài hòa về kinh tế và duy trì diện tích rừng. Trong đó, việc quản lý rừng trồng bền vững, trồng rừng gỗ lớn và hình thành chuỗi giá trị gỗ rừng trồng đang là hướng đi phù hợp để tăng cường hiệu quả rừng trồng sản xuất (Nguyễn Văn Phú và cs, 2020; Trần Thị Thúy Hằng và cs, 2021).

Đắk Lắk là một tỉnh có tiềm năng phát triển rừng trồng sản xuất. Diện tích đất có rừng của tỉnh là 508.564 ha, trong đó rừng trồng 70.829 ha, chiếm gần 14% (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2021). Phần lớn diện tích rừng trồng nằm trong quy hoạch

tập trung ở khu vực khó khăn và có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, do đó việc quản lý tốt rừng trồng có vai trò quan trọng nhằm phát triển rừng bền vững gắn với giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Dù vậy, hiện nay việc phát triển rừng trồng tại tỉnh còn đối mặt với nhiều khó khăn thách thức như chu kỳ khai thác ngắn nên hiệu quả thấp, mâu thuẫn về quyền sử dụng đất hay các vấn đề liên quan đến chất giống và tiêu thụ sản phẩm. Do đó, tìm hiểu thực trạng phát triển rừng trồng sản xuất sẽ có vai trò quan trọng trong phát triển rừng trồng hướng tới phát triển rừng bền vững gắn với giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nội dung bài viết tập trung đánh giá thực trạng phát triển rừng trồng sản xuất cũng như làm rõ các hạn chế, trở ngại trong quá trình phát triển rừng trồng, từ đó đưa ra các đề xuất phát triển rừng trồng tại tỉnh Đắk Lắk. Bài viết sử dụng cả số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp. Trong đó số liệu sơ cấp được từ phiếu khảo sát 450 hộ gia đình trồng rừng tại M'Drăk, Ea H'leo và Krông Bông và thông qua phỏng vấn sâu các cán bộ quản lý nhà nước và người quản lý của các công ty lâm nghiệp tại 3 huyện khảo sát. Phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh được sử dụng để tổng hợp và phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình phát triển rừng tại tỉnh.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**3.1. Tình hình phát triển rừng trồng sản xuất****3.1.1. Diện tích và phân bố diện tích rừng trồng sản xuất theo đơn vị hành chính cấp huyện**

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

²Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Trường Đại học Tây Nguyên;

³Huyện ủy Krông Bông;

Tác giả liên hệ: Phạm Văn Trường; ĐT: 0972515171; Email: pvtuong@ttn.edu.vn.

Tổng diện tích rừng trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 80.240,1 ha với 70.829,7 ha rừng trồng đã thành rừng và 9.410,4 ha rừng trồng chưa thành rừng.

Trong đó, diện tích rừng trồng sản xuất là 75.466,6 ha, bao gồm 67.243,0 ha là rừng trồng đã thành rừng và 8.223,6 ha là rừng trồng chưa thành rừng.

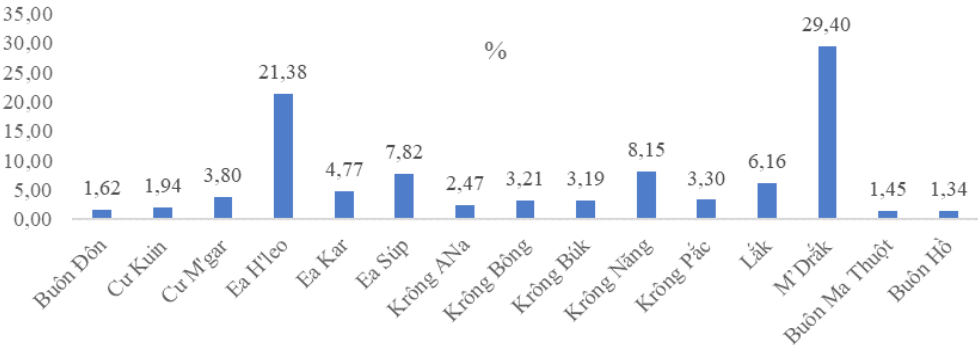
Bảng 1. Diện tích rừng trồng tại tỉnh Đắk Lắk

Chỉ tiêu	Đất trồng rừng đã thành rừng		Đất trồng rừng chưa hình thành rừng		Tổng	
	Ha	%	Ha	%	Ha	%
Rừng đặc dụng	830,20	1,17	146,10	1,55	976,30	1,22
Rừng phòng hộ	2.756,50	3,89	1.040,70	11,06	3.797,20	4,73
Rừng sản xuất và rừng trồng khác	67.243,00	94,94	8.223,60	87,39	75.466,60	94,05
Tổng	70.829,70	100,00	9.410,40	100,00	80.240,10	100,00

Nguồn: UBND tỉnh Đắk Lắk (2022)

Diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh tập trung chủ yếu ở huyện M’Drăk với 29,40% và Ea H’leo với 21,38% diện tích rừng trồng sản xuất của tỉnh. Một số huyện có diện tích rừng trồng

lớn khác là Krông Năng với 8,15% và Ea Súp với 7,82%. Trong khi đó, một số huyện, thành phố và thị xã khác, tỷ lệ diện tích rừng trồng sản xuất khá nhỏ.



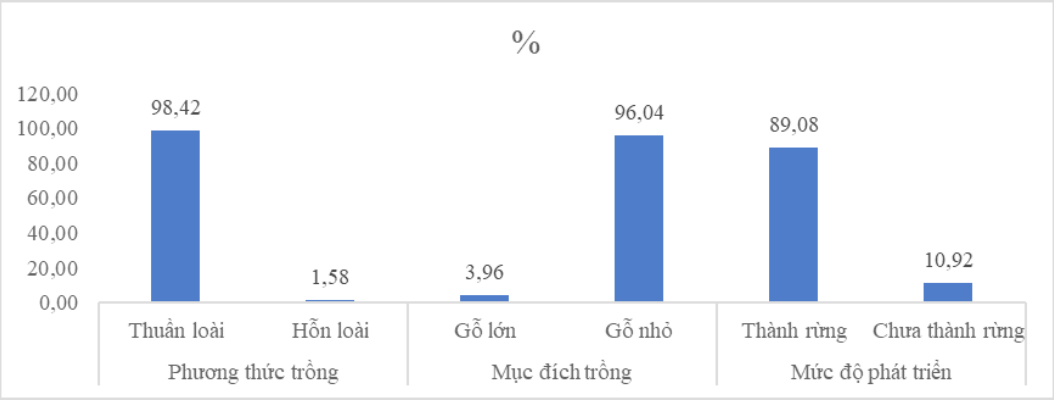
Hình 1. Cơ cấu diện tích rừng trồng sản xuất phân theo đơn vị hành chính cấp huyện

Nguồn: UBND tỉnh Đắk Lắk (2022)

3.1.2. Cơ cấu rừng trồng sản xuất

Cơ cấu rừng trồng sản xuất tại tỉnh khá đa dạng, tuy nhiên có thể chia thành 2 nhóm là rừng trồng thuần loài và rừng trồng hỗn loài. Trong đó, phần lớn diện tích rừng trồng sản xuất là trồng thuần loài với các loại cây trồng như keo, bạch đàn, tech, sao đen hay hay cao su. Theo số liệu thống kê, trong tổng số

75.466,6 ha rừng trồng sản xuất, diện tích rừng trồng thuần loài chiếm 98,42% và diện tích rừng trồng hỗn loài chỉ chiếm khoảng gần 1,6%. Hầu hết diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh đã hình thành rừng. Trong tổng số diện tích rừng trồng sản xuất, có 89,08% ha rừng đã trồng đã thành rừng và 10,92% rừng trồng chưa hình thành rừng.



Hình 2. Cơ cấu diện tích rừng trồng sản xuất phân theo loại rừng

Nguồn: UBND tỉnh Đắk Lắk (2022)

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, diện tích rừng trồng sản xuất có thể bao gồm rừng trồng cung cấp gỗ nhỏ và rừng trồng cung cấp gỗ lớn. Đối với rừng trồng cung cấp gỗ nhỏ, các loại cây trồng chủ yếu là keo lai, keo lá tràm, bạch đàn, trong khi đó rừng trồng sản xuất gỗ lớn bao gồm các loài cây trồng chủ yếu là muồng đen, tech, thông ba lá, thông nhựa, dầu rái hay sao đen. Theo số liệu thống kê, phần lớn diện tích rừng trồng sản xuất tại tỉnh là rừng trồng cung cấp gỗ nhỏ, chiếm 96,0% tổng diện tích rừng trồng sản xuất. Diện tích rừng trồng gỗ lớn khá ít, chỉ chiếm 4,0% tổng diện tích rừng trồng sản xuất.

3.1.3. Chủ thể quản lý rừng trồng sản xuất

Diện tích rừng trồng trên địa bàn tỉnh được quản lý bởi 08 chủ rừng với quy mô khác nhau, từ

các ban quản lý rừng phòng hộ, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, UBND xã cho đến cộng đồng và hộ gia đình. Trong đó, chủ thể quản lý phần diện tích rừng trồng sản xuất lớn nhất là công ty tư nhân (36,73%), các tổ chức kinh tế và các công ty lâm nghiệp (25,76%), hộ gia đình và cá nhân (14,96%). Đối với diện tích rừng trồng sản xuất thuộc UBND xã tạm thời quản lý là 8.807,3 ha chiếm 11,67% tổng diện tích rừng sản xuất. Đây là diện tích đất lâm nghiệp chưa giao, tuy nhiên trong thực tế đã được người dân sử dụng để trồng rừng. Việc chưa được giao đất, giao rừng cho hộ gia đình làm giảm việc đầu tư để nâng cao năng suất và chất lượng rừng là yếu tố cản trở cho việc thực hiện quản lý rừng trồng bền vững. Trong khi đó, các đối tượng khác quản lý phần diện tích rừng trồng sản xuất không đáng kể.

Bảng 2. Diện tích rừng trồng sản xuất phân theo nhóm chủ thể quản lý

Chỉ tiêu	Rừng mới trồng		Rừng trồng		Tổng	
	ha	%	ha	%	ha	%
BQL rừng phòng hộ	2.111,60	25,63	2.338,00	3,48	4.449,50	5,90
Tổ chức kinh tế, công ty lâm nghiệp	4.200,90	50,99	15.241,50	22,67	19.442,40	25,76
Các DN tư nhân	1.022,70	12,41	26.697,40	39,71	27.720,10	36,73
Đơn vị vũ trang	9,4	0,11	1.908,20	2,84	1.917,60	2,54
Các tổ chức khác	-	0,00	1.087,90	1,62	1.087,90	1,44
Cộng đồng	128,6	1,56	626	0,93	754,6	1,00
Hộ gia đình, cá nhân	476,7	5,79	10.810,50	16,08	11.287,20	14,96
UBND quản lý	288,8	3,51	8.518,50	12,67	8.807,30	11,67
Tổng diện tích rừng	8.238,70	100,00	67.228,00	100,00	75.466,60	100,00

Nguồn: UBND tỉnh Đắk Lắk (2022)

Các chủ rừng là tổ chức bao gồm các ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp và các tổ chức khác có vai trò quan trọng đối với việc phát triển rừng trồng của tỉnh khi quản lý phần lớn diện tích rừng trồng sản xuất. Về cơ bản, các tổ chức này đều áp dụng đúng quy trình kỹ thuật lâm sinh theo các quy định hoặc theo hướng dẫn của các chương trình dự án về trồng rừng. Đối với phát dọn, xử lý thực bì, các chủ rừng đã quan tâm đến yếu tố địa hình, độ cao, độ dốc. Mật độ trồng cơ bản hợp lý, phù hợp với các hướng dẫn kỹ thuật trồng cho từng loài cây theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc theo quy định của từng dự án cụ thể.

Việc quản lý sản xuất của các tổ chức trồng rừng nhìn chung tương đối tốt với cơ cấu cây trồng đa dạng (kết hợp cây gỗ lớn và cây gỗ nhỏ). Theo kết quả khảo sát, tất cả các công ty, tổ chức trồng rừng đều có lập và triển khai kế hoạch sản xuất cũng như tiến hành ghi chép lại diễn biến quá trình sản xuất, mặc dù mức độ ghi chép có thể khác nhau

giữa các tổ chức trồng rừng. Nguồn giống đầu vào của các doanh nghiệp và tổ chức trồng rừng khá đa dạng, có thể là tự sản xuất, mua từ đại lý trung gian và mua trực tiếp từ các cơ sở sản xuất giống trong và ngoài tỉnh. Trong đó, nguồn giống chủ yếu của các cơ sở trồng rừng được mua trực tiếp từ các cơ sở sản xuất giống thông qua hình thức thỏa thuận hợp đồng. Đối tượng tiêu thụ gỗ rừng trồng của các tổ chức trồng rừng có thể gồm thương lái, các cơ sở sơ chế, chế biến và các cơ sở sản xuất có chức năng xuất khẩu. Trong đó, đối tượng tiêu thụ chính là thương lái và các cơ sở sơ chế và chế biến. Việc trao đổi giữa các tổ chức trồng rừng sản xuất và các đối tượng thu mua đa số đều thông qua hợp đồng mua bán.

Trong khi đó, các hộ gia đình trồng rừng có quy mô tương đối nhỏ và chủ yếu trồng các loại cây gỗ nhỏ với chu kỳ sản xuất ngắn (chủ yếu là cây keo). Theo kết quả khảo sát, diện tích đất trồng rừng sản xuất bình quân của hộ có trồng rừng sản xuất vào khoảng với 2,35 ha/hộ, chiếm 83,34% diện tích đất

của hộ. Phần lớn diện tích đất trồng rừng của hộ có nguồn gốc khai hoang và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hoạt động trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng sản xuất chủ yếu vẫn dựa vào kinh nghiệm, thói quen và chưa áp dụng đúng quy trình kỹ thuật lâm sinh, hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng. Quá trình xử lý thực bì thường là phát đốt toàn diện, không quan tâm đến yếu tố độ dốc, nhiều nơi mật độ trồng quá dày. Nguồn giống chủ yếu mua từ các cơ sở kinh doanh trên địa bàn nên không rõ nguồn gốc, không đảm bảo

chất lượng và không có hợp đồng. Bên cạnh đó, việc trồng rừng của hộ mang tính tự phát, không có kế hoạch cụ thể, điều này cũng là một rào cản cho hộ gia đình nhằm hướng tới việc sản xuất rừng bền vững. Trong các hộ được khảo sát, có đến 95% số hộ không lập kế hoạch sản xuất. Cùng với đó, hầu hết các hộ trồng rừng cũng không tiến hành ghi chép các lịch trình sản xuất, các phát sinh về tài chính trong quá trình sản xuất rừng trồng của mình.

Bảng 3. Diện tích và thu nhập từ rừng trồng sản xuất của hộ gia đình

Chỉ tiêu	Thu nhập		Dân tộc		Trung bình chung
	Nghèo, cận nghèo	Trung bình, khá	Kinh	Thiểu số	
Tổng diện tích đất (ha/hộ)	2,06	3,05	2,79	2,86	2,82
Diện tích đất rừng trồng (ha/hộ)	1,65	2,56	2,36	2,34	2,35
Tỷ lệ diện tích đất rừng trồng (%)	80,29	83,95	84,69	81,96	83,34
Tỷ lệ diện tích đất rừng trồng từ khai hoang (%)	87,71	81,70	77,85	87,73	82,68
Tỷ lệ diện tích đất rừng trồng chưa được cấp GCN QSDĐ (%)	86,69	77,82	70,85	88,06	79,27
Tổng thu nhập năm 2022 (tr.đ/hộ)	41,24	70,99	79,51	49,29	63,98
Tỷ trọng thu nhập từ rừng trồng (%)	28,37	31,51	33,44	28,61	30,90
Tỷ trọng thu nhập từ trồng trọt (%)	19,13	27,86	26,46	26,12	26,61
Tỷ trọng thu nhập từ chăn nuôi (%)	10,02	10,42	8,80	12,74	10,38
Tỷ trọng thu nhập từ làm thuê (%)	41,55	25,38	26,65	29,04	27,84
Tỷ trọng thu nhập khác (%)	0,93	4,83	4,65	3,50	4,26

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Đối với khâu đầu ra, các hộ gia đình có thể bán gỗ rừng trồng cho nhiều đối tượng khác nhau như thương lái và các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Trong đó, thương lái là đối tượng thu mua chủ yếu gỗ rừng trồng của hộ. Theo kết quả khảo sát, có đến 97,36% hộ gia đình bán gỗ rừng trồng cho các thương lái (người thu mua), số hộ bán gỗ rừng trồng trực tiếp cho các doanh nghiệp khá thấp, chỉ khoảng gần 3%. Hình thức tiêu thụ gỗ rừng trồng của hộ chủ yếu diễn ra dưới hình thức thỏa thuận miệng. Trong các hộ được khảo sát, có đến 99,36% số hộ có bán sản phẩm cho các đối tượng thu mua mà không có hợp đồng, tỷ lệ có hợp đồng rất thấp, chỉ vào khoảng chưa được 1%.

So với các chủ rừng là tổ chức, các hộ gia đình trồng rừng sản xuất có nhiều hạn chế về quy mô sản xuất, về khả năng áp dụng các biện pháp lâm sinh, về khả năng quản lý sản xuất cũng như việc tiếp cận nguồn giống cây lâm nghiệp và tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng. Mặc dù vậy, trồng rừng sản xuất có đóng góp quan trọng trong thu nhập của hộ gia đình trồng rừng khi là 1 trong 3 hoạt động tạo ra nguồn thu nhập lớn nhất cho hộ.

Theo kết quả khảo sát, thu nhập bình quân của hộ năm 2022 là 63,98 triệu đồng, trong đó thu nhập từ rừng trồng chiếm đến gần 31% tổng thu nhập của hộ.

3.1.4. Kết quả và tiềm năng phát triển rừng trồng sản xuất

Trong giai đoạn 2015 - 2020, kết quả trồng rừng của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Theo kết quả công bố kiểm kê rừng, năm 2014 diện tích rừng trồng của tỉnh là 52.238 ha, trong đó có 31.580 ha rừng trồng và 20.658 ha rừng mới trồng chưa thành rừng. Tuy nhiên, tính đến năm 2020 diện tích rừng trồng (bao gồm cả diện tích rừng mới trồng chưa thành rừng) toàn tỉnh đạt 80.240 ha tăng 28.002 ha so với năm 2014. Đặc biệt, diện tích trồng rừng sản xuất giai 2015 - 2020 đạt 10.432 ha (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2022).

Tiềm năng phát triển rừng trồng trên địa bàn tỉnh còn rất lớn. Theo số liệu công bố hiện trạng rừng tỉnh Đắk Lắk (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2021), trên địa bàn tỉnh còn có 195.506,7 ha đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng sản xuất. Tuy nhiên, nhiều phần diện tích này vẫn còn mâu

thuần, tranh chấp và đã bị lấn chiếm để sản xuất nông nghiệp. Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đắk Lắk (2020), tổng diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng sản xuất có tranh chấp và bị lấn chiếm để sản xuất nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh là 79.440 ha. Như vậy, kể cả trừ đi diện tích có mâu thuẫn, tranh chấp, lấn chiếm để sản xuất nông nghiệp thì diện tích đất trống tiềm năng còn lại để phát triển rừng sản xuất trên địa bàn toàn tỉnh còn rất lớn, với khoảng 116.006,7 ha.

3.2. Đề xuất giải pháp phát triển rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Chứng chỉ rừng FSC là một tiêu chuẩn quốc tế dựa trên các nguyên tắc, tiêu chí phát triển rừng bền vững cả về 3 mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Ngoài việc đem đến nhiều lợi ích từ cải tạo môi trường, bảo vệ đất, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người trồng rừng thì trồng rừng FSC phù hợp với chiến lược phát triển lâm nghiệp. FSC là chứng chỉ xác nhận đơn vị chủ rừng và phần diện tích rừng đã được áp dụng các giải pháp quản lý rừng bền vững, có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Sản phẩm đồ gỗ sử dụng nguyên liệu từ rừng có chứng nhận FSC được xác định nguồn gốc sẽ có giá thành, giá trị cao hơn so với sản phẩm không có FSC. Mặc dù trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, hiện nay các đơn vị chủ rừng là tổ chức đang có nhiều nỗ lực để tiến hành xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, đồng thời chính quyền địa phương cũng khuyến khích các cộng đồng, hộ gia đình, tổ chức được nhà nước giao đất, giao rừng xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững. Tuy nhiên, đến nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chưa có diện tích rừng trồng sản xuất nào được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế.

Diện tích rừng trồng do hộ gia đình quản lý có quy mô nhỏ lẻ, phân tán, năng suất, chất lượng rừng còn thấp. Việc liên doanh, liên kết để mở rộng quy mô sản xuất còn khó khăn do chưa có sự hợp tác giữa các chủ rừng quy mô nhỏ. Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân chưa nhận được sự hỗ trợ cả về kỹ thuật lẫn tài chính để thực hiện liên kết thành các nhóm hộ, hợp tác xã trong sản xuất rừng trồng. Thêm vào đó, trồng rừng có chu kỳ kinh doanh dài, trong khi thủ tục vay vốn từ các tổ chức tín dụng còn khó khăn, thời gian cho vay ngắn. Do đó, các doanh nghiệp và hộ gia đình khó tiếp cận được nguồn vốn vay để trồng rừng gỗ lớn. Nhiều hộ gia đình trồng rừng sản xuất vẫn phải khai thác rừng non bán để quay vòng vốn, do đó giảm hiệu quả kinh tế của việc trồng rừng. Các công ty lâm nghiệp tuy đã được sắp xếp lại nhưng

chưa có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả, đặc biệt là hoạt động trồng rừng sản xuất do thiếu vốn sản xuất.

Mâu thuẫn về đất đai cũng là một trở ngại lớn trong phát triển rừng trồng trên địa bàn tỉnh. Nhiều phần diện tích được giao cho các công ty lâm nghiệp quản lý nhưng bị người dân lấn chiếm sử dụng. Trong khi đó, vẫn chưa có các giải pháp để giải quyết tốt các mâu thuẫn và tranh chấp đất đai giữa các công ty lâm nghiệp và hộ gia đình. Bên cạnh đó, hiện nay diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh là trồng cây gỗ nhỏ (chủ yếu là cây keo), với chu kỳ ngắn, tuy nhiên, hầu hết các nguồn giống phục vụ cho trồng rừng gỗ nhỏ đều nhập từ các tỉnh khác và tình trạng người trồng rừng mua phải giống chất lượng thấp diễn ra khá thường xuyên. Cùng với đó, cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh còn khá hạn chế về cả số lượng và quy mô sản xuất, nên đa số lượng gỗ nguyên liệu phải vận chuyển xa để đến được các cơ sở sản xuất. Điều này, gây cản trở tới hiệu quả rừng trồng cũng như phát triển rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Để phát triển rừng trồng sản xuất trong thời gian tới cần có các giải pháp để giải quyết các hạn chế trong hoạt động trồng rừng trên địa bàn tỉnh. Các nhóm giải pháp cơ bản cần tập trung vào 3 khía cạnh. Thứ nhất, để thúc đẩy phát triển rừng trồng sản xuất cần có các giải pháp để giải quyết các mâu thuẫn trong đất đai giữa các công ty, tổ chức được giao đất và hộ gia đình, trên cơ sở đó cấp quyền sử dụng đất lâu dài để hộ và các tổ chức trồng rừng có thể yên tâm đầu tư cho sản xuất cũng như có thể tiếp cận với các nguồn vốn của ngân hàng. Thứ 2, cần có giải pháp tăng cường sự liên kết ngang giữa các hộ trồng rừng thông qua việc hình thành hợp tác xã trồng rừng, đồng thời tăng cường sự liên kết dọc giữa các nhân trong chuỗi giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng để tăng hiệu quả rừng trồng thông qua việc kéo dài chu kỳ rừng trồng cũng như trồng rừng sản xuất theo các phương thức bền vững hơn như trồng rừng theo chứng chỉ FSC. Thứ 3, cần thúc đẩy để hình thành các cơ sở sản xuất giống có quy mô và chất lượng (trước hết là cây giống keo) để đáp ứng nhu cầu về giống cây lâm nghiệp, đồng cũng cần thúc đẩy hoạt động chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh.

4. KẾT LUẬN

Tỉnh Đắk Lắk có tiềm năng để phát triển rừng trồng sản xuất. Việc quản lý tốt diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh sẽ góp phần quan trọng để phát triển rừng bền vững gắn với giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Kết quả trồng rừng của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, diện tích rừng trồng sản xuất của tỉnh là 75.466,6 ha và đang

có xu hướng gia tăng. Đối với phần diện tích rừng trồng sản xuất được quản lý bởi các tổ chức trồng rừng nhìn chung được quản lý tương đối tốt với cơ cấu cây trồng đa dạng. Trong khi đó, quy mô diện tích rừng trồng sản xuất của hộ gia đình trồng rừng tương đối nhỏ, chủ yếu trồng các loại cây gỗ nhỏ, hoạt động trồng mang tính tự phát, không có kế hoạch cụ thể, chăm sóc rừng trồng chưa áp dụng đúng quy trình kỹ thuật mà chủ yếu vẫn dựa vào kinh nghiệm, thói quen. Đối với các hộ trồng rừng sản xuất, thu nhập từ trồng rừng có vai trò quan trọng và là một ba hoạt động tạo ra nguồn thu nhập lớn nhất cho hộ.

Tiềm năng phát triển rừng trồng trên địa bàn tỉnh còn lớn khi diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng sản xuất còn nhiều (lên tới 195.506,7 ha). Dù vậy, hiện nay việc phát triển

rừng trồng trên địa bàn tỉnh còn đối mặt với nhiều thách thức như chưa có diện tích rừng trồng được quản lý theo chứng rừng bền vững, chu kỳ khai thác ngắn nên hiệu quả thấp (đặc biệt là rừng được quản lý bởi hộ gia đình), mâu thuẫn về quyền sử dụng đất chưa được giải quyết, chưa có cơ sở sản xuất giống có chất lượng đáp ứng nhu cầu của chủ thể trồng rừng và nhiều hạn chế trong chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ rừng trồng sản xuất. Trên cơ sở nghiên cứu, bài viết đề xuất 3 nhóm giải pháp để phát triển rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh, bao gồm giải pháp về đất đai, giải pháp tăng cường sự liên kết ngang thông qua việc hình thành hợp tác xã trồng rừng cũng như liên kết dọc giữa các nhân trong chuỗi giá trị và giải pháp thúc đẩy để hình thành các cơ sở sản xuất giống có chất lượng đồng thúc đẩy hoạt động chế biến trên địa bàn tỉnh.

DEVELOPMENT OF PRODUCTION FOREST IN DAK LAK PROVINCE

Nguyen Thanh Truc¹, Tran Trung Dung², Vu Xuan Trieu³, Pham Van Truong¹

Received Date: 29/9/2023; Revised Date: 09/10/2023; Accepted for Publication: 11/10/2023

ABSTRACT

Forest development in general and plantation forest in particular play an important role in achieving economic, social and environmental goals. The article uses secondary, primary data and statistical methods to evaluate situation of plantation forest development in Dak Lak province. Study results show that the afforestation have achieved positive results. The planted forest area has tended to increase in recent years and potential for developing plantation forests is still very high. However, development of plantation forests still faces many challenges such as conflicts in land use rights, limitation in planted forests management according to sustainable forest certification, and short exploitation cycle, therefore, it gets low effective. Additionally, there is a lack of connection between afforestation actors as well as amongs actors in the value chain of plantation forest wood products.

Keywords: Forest, production forest, Dak Lak

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

Nguyễn Văn Phú, Trần Quang Bảo, Lã Nguyên Khang (2020). Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý rừng bền vững rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Số 390, trang 58-67

¹Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

²Faculty of Natural sciences and Technology, Tay Nguyen University;

³Party Committee of Krong Bong District;

Corresponding author: Pham Van Truong; Tel: 0972515171; Email: pvtruong@ttn.edu.vn.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk (2019). Báo cáo số 337/BC-SNN về đánh giá thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk (2020). Sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp tại tỉnh Đắk Lắk: Thực trạng và giải pháp. Báo cáo tại Hội nghị Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đời sống người dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp vùng Tây nguyên.
- Tổng cục thống kê (2023), Số liệu thống kê về Nông, lâm nghiệp, thủy sản. Truy cập tại địa chỉ <https://www.gso.gov.vn/so-lieu-thong-ke/>
- Trần Thị Thúy Hằng, Hoàng Huy Tuấn, Phạm Cường (2021). Thực trạng và giải pháp phát triển rừng trồng keo lai theo hướng kinh doanh gỗ lớn quy mô hộ gia đình tại tỉnh Quảng Trị. *Tạp chí Khoa học lâm nghiệp*, số 2, trang 79-91
- UBND tỉnh Đắk Lắk (2022). Quyết định về việc phê duyệt Đề án Phát triển rừng nguyên liệu gắn với phát triển công nghiệp chế biến lâm sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2021). Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 về công bố hiện trạng rừng tỉnh Đắk Lắk năm 2020.

Tài liệu tiếng nước ngoài

- WB (2005). Vietnam Environment Monitor 2005: Biodiversity. WB. Retrieved from <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/879611468311116866/vietnam-environment-monitor-2005-biodiversity>